TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 1135/2017/HNGĐ-PT Ngày: 13-12-2017 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 130/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn"

Do Bản án sơ thẩm số 736/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 9 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2663/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Khuất Trọng S, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Khuất Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường A, Tổ 8, khu phố 3, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Khuất Thị T, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường D, Khu phố 4, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1948 (xin vắng mặt).

3. Bà Khuất Thị M, sinh năm 1959 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã L, huyện T, Thành phố Hà Nội.

4. Quỹ trợ vốn xã viên L.

Địa chỉ: Đường I, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đăng D (xin vắng mặt).

5. Quỹ tín dụng nhân dân O.

Địa chỉ: Đường H, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thái T (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Khuất Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Khuất Trọng S trình bày:

Ông và bà Khuất Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/1991 ngày 31/12/1991 (hiện tại bản chính đã mất). Quá trình chung sống có ba con chung tên Khuất Thị Phương T, sinh năm 1992; Khuất Hoài T, sinh ngày 03/11/1999; Khuất Kiều T, sinh ngày 11/5/2011.

Năm 2014, ông nộp đơn xin ly hôn với bà H tại Tòa án nhân dân Quận N nhưng không được Tòa án chấp nhận. Từ đó đến nay ông đã thuê nhà sống riêng và sau đó về quê chăm sóc mẹ. Nay nhận thấy tình cảm không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông đồng ý giao hai con chung Khuất Hoài T, sinh ngày 03/11/1999 và Khuất Kiều T, sinh ngày 11/5/2011 cho bà H nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Riêng khoản nợ ông vay của bà Khuất Thị M và ông Đinh Đức T, ông tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ cùng ông.

* Bị đơn bà Khuất Thị H trình bày:

Bà thống nhất về việc đăng ký kết hôn, con chung đúng như ông Khuất Trọng S trình bày. Bà không đồng ý ly hôn vì bà còn tình cảm với ông S, hơn nữa việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con cái.

Về con chung: Bà đồng ý nuôi hai con chung Khuất Hoài T, sinh ngày 03/11/1999 và Khuất Kiều T, sinh ngày 11/5/2011, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Riêng khoản nợ ông S vay của bà Khuất Thị M và ông Đinh Đức T, là nợ riêng của ông S.

Đối với khoản nợ bà Khuất Thị T 35.000.000 đồng; nợ Qũy tín dụng nhân dân O 30.000. 000 đồng; nợ Qũy trợ vốn xã viên L 30.000.000 đồng, bà tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả nợ cùng bà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khuất Thị M và ông Đinh Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Qũy trợ vốn xã viên L do ông Đỗ Đăng D làm đại diện trình bày:

Trước đây Qũy trợ vốn xã viên L nộp đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà Khuất Thị H trả số nợ vốn vay 9.060.000 đồng nhưng sau đó đã rút đơn nên Tòa án nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 05/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Qũy trợ vốn xã viên L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Qũy tín dụng nhân dân O do ông Bùi Thái T làm đại diện trình bày:

Tại Hợp đồng tín dụng số 185-2016/HĐTD-LP ngày 24/8/2016, bà Khuất Thị H vay 30.000.000 đồng, hiện đã trả đầy đủ. Do đó, Qũy tín dụng nhân dân O không yêu cầu bà H trả số tiền còn lại.

Tại Bản án sơ thẩm số 736/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 175, 177, 179, 227, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Khuất Trọng S được ly hôn với bà Khuất Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45/1991 ngày 31/12/1991 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hà Nội cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Con chung tên Khuất Thị Phương T, sinh năm 1992 đã trưởng thành. Giao bà Khuất Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Khuất Hoài T, sinh ngày 03/11/1999 và Khuất Kiều T sinh ngày 11/5/2011. Ông Khuất Trọng S tự nguyện cấp dưỡng 1000.000 đồng/con cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/9/2017, bà Khuất Thị H nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn tình cảm với chồng nên muốn đoàn tụ gia đình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Năm 2015 ông Khuất Trọng S đã nộp đơn xin ly hôn với bà Khuất Thị H nhưng bị Tòa án bác đơn, từ đó đến nay mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn không khắc phục được nên án sơ thẩm tuyên xử cho ly hôn là có căn cứ. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Khuất Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Khuất Thị H kháng cáo không đồng ý ly hôn, các nội dung khác không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 31/12/1991 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hà Nội thì quan hệ giữa ông Khuất Trọng S và bà Khuất Thị H là hôn nhân hợp pháp, có ba con chung tên Khuất Thị Phương T, sinh năm 1992 (đã trưởng thành); Khuất Hoài T, sinh ngày 03/11/1999 (đã trưởng thành); Khuất Kiều T, sinh ngày 11/5/2011.

[3] Xét kháng cáo của bà Khuất Thị H không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì ông Khuất Trọng S cho rằng giữa ông và bà Khuất Thị H có quan niệm sống và tính tình khác biệt. Còn bà H thì cho rằng ông S có quan hệ tình cảm bên ngoài nên vợ chồng mất hạnh phúc. Một trong những lý do bà H yêu cầu đoàn tụ là bà sợ nếu ly hôn, ông S sẽ mang tài sản đi nơi khác.

Hội đồng xét xử thấy rằng tuy cả hai không thống nhất về nguyên nhân xung đột gia đình nhưng đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, hiện tại

cuộc sống chung không hạnh phúc. Và dù đã biết mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ đâu nhưng cả ông S và bà H đều không có biện pháp khắc phục. Qua đó cho thấy cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm, trong cuộc sống chung thiếu sự quan tâm, chia sẻ. Mặt khác, như lời bà H khai, mâu thuẫn tuy không trầm trọng nhưng không khắc phục được và kéo dài đã lâu làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng thể hiện ở năm 2014 bà H nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn, năm 2015 ông S nộp đơn xin ly hôn nhưng bị Tòa án bác đơn. Diễn biến cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Ngoài ra, lý do bà H không muốn ly hôn vì bà lo sợ ông S sẽ bán tài sản chung, đây là lý do không chính đáng, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nhận thấy án sơ thẩm xử chấp nhận cho ly hôn là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Khuất Thị H. Tuy nhiên, cần sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Khuất Trọng S đối với con chung Khuất Hoài T vì tại thời điểm xét xử phúc thẩm, con chung Khuất Hoài T, sinh ngày 03/11/1999 đã thành niên nên không thuộc trường hợp cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Khuất Thị H.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số 736/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận N về phần con chung như sau:

Giao bà Khuất Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Khuất Kiều T, sinh ngày 11/5/2011.

Ông Khuất Trọng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Khuất Kiều T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Khuất Kiều T thành niên.

Ông Khuất Trọng S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Khuất Thị H không phải nộp án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003355 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- UBND xã M, huyện T, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên